

## LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm góp phần làm phong phú thêm nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu, học tập cho bạn đọc trong và ngoài ngành Ngữ văn, Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ xin được phép ấn hành và giới thiệu cùng bạn đọc giáo trình “Phong cách học Tiếng Việt” do PGS.TS. Nguyễn Văn Nở chủ biên. Giáo trình bao gồm 3 chương với 245 trang; nội dung giới thiệu khái quát về phong cách học, các phong cách chức năng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ cơ bản của tiếng Việt. Cuối mỗi chương có thiết kế câu hỏi và bài tập để sinh viên thảo luận, tự học và giới thiệu những tài liệu tham khảo cần thiết, hữu ích cho bạn đọc tìm hiểu và nghiên cứu thêm. Ngoài ra, giáo trình còn có phần phụ lục tuyển chọn một số bài viết của chính tác giả có liên quan đến phong cách học. Giáo trình là tài liệu tham khảo có giá trị cho sinh viên các ngành Ngữ văn.

Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ chân thành cảm ơn Tác giả và những ý kiến đóng góp của quý Thầy Cô trong Hội đồng thẩm định ở Trường Đại học Cần Thơ để giáo trình “Phong cách học Tiếng Việt” được ra mắt bạn đọc.

Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ trân trọng giới thiệu đến giảng viên, sinh viên và bạn đọc giáo trình này.

Chân thành cảm ơn!

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

## LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình này biên soạn nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn, ngành Ngôn ngữ và Văn học kiến thức cơ bản, có hệ thống về phong cách học tiếng Việt (Trong chương trình theo học chế tín chỉ của ngành Sư phạm Ngữ văn và Cử nhân Văn học ở Trường Đại học Cần Thơ, học phần này có mã số là SP 533). Nội dung của giáo trình được trình bày thành 3 chương và phụ lục gồm một số bài viết của tác giả có liên quan đến phong cách học. Cụ thể như sau:

### *Chương I. Dẫn luận về phong cách học*

Chương này trình bày lí thuyết chung về phong cách học, đặc biệt là về đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học, một số khái niệm cơ bản của ngành học, vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ và chuẩn mực phong cách và phương pháp phân tích sự biểu đạt của phong cách học.

### *Chương II. Các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt*

Trong chương này, tác giả giới thiệu một số cách phân loại các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt và trình bày cách phân loại của giáo trình, sau đó miêu tả từng phong cách cụ thể. Việc miêu tả có so sánh các phong cách với nhau để vừa thuyết minh rõ đặc trưng, đặc điểm của từng phong cách đồng thời thấy được sự tương đồng và dị biệt của chúng.

### *Chương III. Các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*

Đây là chương tác giả giới thiệu các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm, từ ngữ, cú pháp tiếng Việt. Qua chương này, người đọc có thể nắm được những vấn đề về khái niệm, đặc điểm tu từ và giá trị vận dụng của các phương tiện tu từ và khái niệm, cấu tạo cũng như giá trị biểu đạt của từng biện pháp tu từ cụ thể.

Để giúp sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu, hoặc thảo luận, sau mỗi chương, tác giả thiết kế một số câu hỏi vừa bám sát nội dung lí thuyết, vừa mở rộng tìm hiểu, phân tích những văn bản cụ thể.

Trong phần **Phụ lục**, tác giả chọn một số bài viết của mình đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành liên quan đến phong cách học để sinh viên, học viên tham khảo nhằm mở rộng hơn về kiến thức và có thể ứng dụng các thao tác phân tích sự biểu đạt của phong cách học mà người viết đã dùng vào việc tìm hiểu giá trị biểu đạt và vẻ đẹp ngôn từ trong tác phẩm văn chương nói riêng và những văn bản thuộc các phong cách chức năng ngôn ngữ khác nói chung.

Giáo trình này có sự kế thừa về cách phân loại, miêu tả các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt cùng những phương tiện, biện pháp tu từ của quyển “*Phong cách học tiếng Việt*” (1993) của Đinh Trọng Lạc (chủ biên) - Nguyễn Thái Hoà và “*Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*” (1983) của Cù Đình Tú. Một số vấn đề lí giải, thuyết minh cho khái niệm, những ví dụ minh hoạ cũng được dẫn từ các quyển “*Từ điển tu từ - phong cách thi pháp học*” (2006) của Nguyễn Thái Hoà và “*99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*” (1997) của Đinh Trọng Lạc trên cơ sở có điều chỉnh, bổ khuyết, cập nhật nội dung và ngữ liệu. Phần câu hỏi thảo luận ôn tập cũng có dẫn một số bài tập từ quyển *300 bài tập phong cách học tiếng Việt* (1999) của Đinh Trọng Lạc.

Nhân đây, tác giả xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Đỗ Văn Xê, PGS.TS. Trần Thanh Ái, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp, ThS. Bùi Thị Tâm, ThS. Huỳnh Thị Lan Phương, ThS. Trần Văn Minh, Ô. Nguyễn Văn Tư... đã dành thời gian đọc và có những ý kiến đóng góp quý báu về nội dung, cấu trúc và cả hình thức của văn bản.

Xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ đã hỗ trợ và tạo điều kiện để giáo trình có thể ra mắt bạn đọc.

Dù đã cố gắng chỉnh sửa, nhưng giáo trình không tránh khỏi còn những sai sót. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý, nhận xét và xin được cảm ơn trước.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 11 năm 2011

Người biên soạn,

**NGUYỄN VĂN NỞ**

# MỤC LỤC

<b>Chương 1. DẪN LUẬN VỀ PHONG CÁCH HỌC</b> .....	1
1.1 Vài nét về thuật ngữ phong cách học .....	1
1.2 Vài nét về lịch sử hình thành, phát triển của phong cách học trên thế giới và ở Việt Nam .....	2
1.2.1 Ở phương Tây .....	2
1.2.2 Ở phương Đông .....	7
1.2.3 Ở Việt Nam .....	7
1.3 Đối tượng và nhiệm vụ của phong cách học .....	8
1.3.1 Đối tượng .....	8
1.3.2 Nhiệm vụ .....	16
1.4 Những khái niệm cơ bản của phong cách học .....	17
1.4.1 Đặc điểm tu từ .....	17
1.4.2 Màu sắc phong cách .....	18
1.4.3 Sắc thái biểu cảm .....	20
1.4.4 Phương tiện tu từ .....	21
1.4.5 Biện pháp tu từ .....	23
1.4.6 Phong cách chức năng ngôn ngữ .....	24
1.4.7 Phong cách chức năng ngôn ngữ và lời nói cá nhân .....	30
1.5 Chuẩn mực ngôn ngữ và chuẩn mực phong cách .....	30
1.5.1 Khái niệm chuẩn mực .....	30
1.5.2 Chuẩn mực ngôn ngữ .....	31
1.5.3 Chuẩn mực phong cách .....	33
1.6 Các dạng của lời nói .....	33
1.6.1 Phong cách chức năng ngôn ngữ và dạng của lời nói .....	33
1.6.2 Sự khác nhau giữa văn bản nói và văn bản viết .....	33
1.7 Phương pháp phân tích sự biểu đạt của phong cách học .....	35
Câu hỏi thảo luận và ôn tập .....	37
Tài liệu tham khảo .....	39
<b>Chương 2. CÁC PHONG CÁCH CHỨC NĂNG NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT</b> .....	41
2.1 Vấn đề phân loại .....	41
2.1.1 Ý nghĩa .....	41
2.1.2 Các cách phân loại phong cách chức năng ngôn ngữ .....	42

2.2	Miêu tả các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt .....	43
2.2.1	Phong cách khẩu ngữ (informal style; colloquial style) .....	43
2.2.2	Phong cách ngôn ngữ hành chính (Bureaucratic style; Administrative language style).....	53
2.2.3	Phong cách ngôn ngữ khoa học (Scientific - technological language style) ....	60
2.2.4	Phong cách ngôn ngữ báo chí (Journalistic style; Style of journal) .....	70
2.2.5	Phong cách ngôn ngữ chính luận (Publicistic style; Style of a political commentary).....	76
2.2.6	Phong cách ngôn ngữ văn chương (Literary style).....	81
	Câu hỏi thảo luận và ôn tập .....	92
	Tài liệu tham khảo.....	98
	<b>Chương 3. CÁC PHƯƠNG TIỆN VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ TIẾNG VIỆT</b> .....	100
3.1	Các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm tiếng Việt.....	100
3.1.1	Các phương tiện ngữ âm tiếng Việt .....	100
3.1.2	Các biện pháp tu từ ngữ âm tiếng Việt.....	105
3.2	Các phương tiện và biện pháp tu từ từ ngữ tiếng Việt .....	114
3.2.1	Các phương tiện từ ngữ tiếng Việt .....	114
3.2.2	Các biện pháp tu từ từ ngữ tiếng Việt được cấu tạo theo quan hệ liên tưởng .....	132
3.2.3	Các biện pháp tu từ từ ngữ được cấu tạo theo quan hệ kết hợp.....	153
3.3	Các phương tiện và biện pháp tu từ cú pháp tiếng Việt .....	176
3.3.1	Các phương tiện cú pháp tiếng Việt.....	176
3.3.2	Các biện pháp tu từ cú pháp tiếng Việt .....	182
	Câu hỏi thảo luận và ôn tập .....	187
	Tài liệu tham khảo.....	194
	<b>PHỤ LỤC</b> .....	197
1.	Từ “xài” trong phương ngữ Nam bộ.....	197
2.	Về việc sử dụng từ ngữ địa phương Nam bộ trong nhà trường.....	201
3.	Hình ảnh “ <i>Thân em...</i> ” trong ca dao trữ tình đồng bằng sông Cửu Long.....	206
4.	Nghĩ về thân phận người phụ nữ xưa qua một bài ca dao cũ.....	210
5.	Địa danh và nghệ thuật chơi chữ .....	214
6.	Tìm hiểu triết lí về giao tiếp trong tục ngữ người Việt và tục ngữ các dân tộc khác .....	223
7.	Về ngữ cảnh vận dụng, cấu trúc văn bản và nghĩa của một câu tục ngữ.....	230

## Chương 1

# DẪN LUẬN VỀ PHONG CÁCH HỌC



### 1.1 VÀI NÉT VỀ THUẬT NGỮ PHONG CÁCH HỌC

Muốn nghiên cứu có kết quả, mỗi ngành khoa học cần xây dựng cho mình những khái niệm cơ bản và giải thích những khái niệm này sao cho nhất quán nhằm tránh mâu thuẫn khi thuyết minh, lập luận. Vì vậy, việc xác định đúng thuật ngữ của ngành học cũng như những khái niệm cơ bản của nó là một công việc trước tiên và cần thiết.

Tên gọi *Phong cách học* xuất phát từ sự đổi mới bộ môn *Tu từ học cổ điển*, xây dựng một khoa học mới gắn liền với tên tuổi của Charles Bally (1865-1947). Từ đó, trên thế giới, các ngôn ngữ như: Anh, Pháp, Nga, Đức... đều lấy căn tổ có nguồn gốc ở tiếng Latin: *Stilus*<sup>1</sup>, kết hợp với một hậu tố có nghĩa là ngành học để tạo thành thuật ngữ *phong cách học*. Ví dụ:

Tiếng Pháp: **Styl** - **istique**

Tiếng Anh: **Styl** - **istics**

Tiếng Đức: **Styl** - **istik**

Tiếng Nga: **Смул-** **учмука**

Ở Việt Nam trước đây, các nhà ngôn ngữ học thường dùng thuật ngữ *tu từ học*. Điều này do ảnh hưởng của tu từ học truyền thống. Về sau, do nhận thấy thuật ngữ *phong cách học*, một mặt có cách cấu tạo tương đồng với thuật ngữ của nhiều ngôn ngữ, mặt khác, có khả năng gợi lên sự liên tưởng đúng đến nội dung rất cơ bản của ngành học này, nghiên cứu về phong cách ngôn ngữ, nên các nhà ngôn ngữ học Việt Nam hiện nay đã dùng thống nhất thuật ngữ *phong cách học*.

Về khái niệm phong cách học, Cù Đình Tú có viết: “*Phong cách học là một bộ phận của ngôn ngữ học nghiên cứu nguyên tắc, quy luật lựa chọn và hiệu quả lựa chọn, sử dụng toàn bộ các phương tiện ngôn ngữ nhằm biểu hiện một nội dung tư tưởng tình cảm nhất định trong những phong cách chức năng ngôn ngữ nhất định.*”<sup>2</sup>. Đinh Trọng Lạc có sự diễn đạt đầy đủ hơn về ngành học này như sau: “*Phong cách học chính là một bộ môn trong ngành ngôn ngữ học nghiên cứu những nguyên tắc lựa chọn, sử dụng tất cả những phương tiện dồi dào của ngôn ngữ (bao gồm cả những đơn vị ngôn ngữ, cả những đơn vị giao tiếp tức*

<sup>1</sup> “The word **style** is derived from the Latin word “**stilus**” which meant a short stick sharp at one end and flat at the other used by the Romans for writing on wax tablets...” (Tạm dịch: “Từ **phong cách** có nguồn gốc từ tiếng Latin “*stilus*” có nghĩa là một cái que ngắn có một đầu nhọn và một đầu bằng được người Romans dùng để viết trên những tấm bảng sáp), **I.R. Galperin** (1981) - *Stylistics* (third edition) - Moscow Vyssaja Skola- 1981. tr.11

<sup>2</sup> Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH & THCN, Hà Nội 1983, tr. 29.

những văn bản/ phát ngôn), cũng như tất cả những biện pháp sử dụng đặc biệt – tức những biện pháp tu từ để sự diễn đạt ngôn ngữ đạt được những hiệu quả cao nhất trong mọi lĩnh vực của hoạt động giao tiếp xã hội.”<sup>3</sup>

Các phân môn như ngữ âm, từ vựng, cú pháp chủ yếu nghiên cứu về mặt cấu trúc của ngôn ngữ; phong cách học nghiên cứu cách vận dụng những phương tiện ngôn ngữ đó như thế nào để đạt hiệu quả như mong muốn, đúng phong cách chức năng.

## 1.2 VAI NÉT VỀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA PHONG CÁCH HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

Con người sáng tạo ra tiếng nói và nó trở thành phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của xã hội loài người. Không dừng lại đó, nhằm làm cho phương tiện giao tiếp này ngày càng đắc dụng, người ta luôn chú ý đến việc tổ chức lời nói, cách thức diễn đạt thế nào để đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động ngôn giao. Từ xưa đến nay, yêu cầu làm thế nào nói hay, viết đúng là câu hỏi luôn được đặt ra không những đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, nhà văn, nhà giáo, nhà hoạt động chính trị mà còn cả với mọi thành viên trong một cộng đồng và con đường đi tìm cái đẹp trong ngôn ngữ, đi tìm sự diễn đạt đem lại hiệu quả cao nhất trong giao tiếp không bao giờ kết thúc vì ngôn ngữ là một hiện tượng sống, sinh động tồn tại với xã hội và vận động phát triển cùng xã hội loài người. Ở đây, giáo trình điếm qua vài nét về quá trình hình thành và phát triển của phong cách học, khoa học về quy luật nói viết có hiệu lực, ở phương Tây và phương Đông, trong đó có Việt Nam.

### 1.2.1 Ở phương Tây

Theo truyền thuyết, vào thế kỉ thứ V Tr.CN, ở đảo Sicile, hai nhà hùng biện là Corax và Tisias đã sáng tạo ra môn “*Tu từ học*”, nghiên cứu hoạt động ngôn ngữ với tư cách là diễn từ. Trong các thể chế đương thời, nghệ thuật hùng biện trở thành một loại vũ khí cần thiết và tu từ học trước hết là một thứ kĩ thuật nói năng nhằm đạt được mục đích mong muốn. Tu từ học cổ đại nghiên cứu ba loại hình diễn từ do hoàn cảnh đọc quy định là:

- *Diễn từ nghị luận*: dùng để khuyên nhủ hay cản ngăn trước đám đông; nói chuyện với binh lính hoặc dân chúng;
- *Diễn từ pháp luật*: dùng để kết tội hay tự bào chữa;
- *Diễn từ phô bày*: dùng để khen ngợi hay quở trách.

Sau này, các nhà hùng biện Hi Lạp và La Mã dù có nhấn mạnh bộ phận này hay bộ phận khác của tu từ học, nhưng về đại thể vẫn giữ lại những nét chung tiêu biểu.

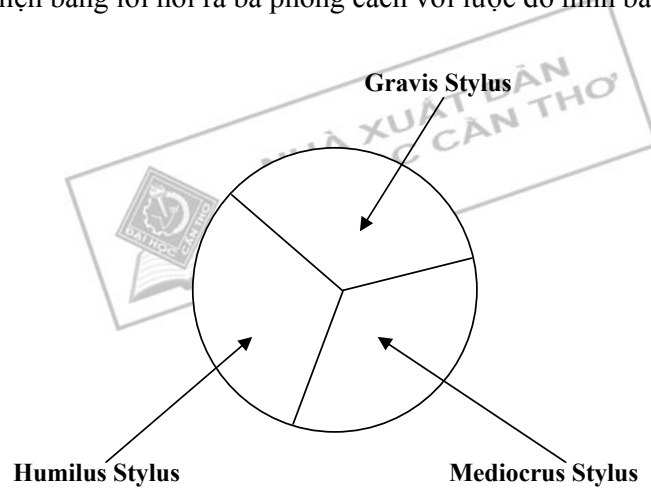
<sup>3</sup> Nguyễn Thái Hoà (1997) - *Dẫn luận phong cách học* – Nxb Giáo dục, tr. 4

Đến thế kỉ thứ IV- III Tr.CN, một số triết gia Hi Lạp và La Mã như: Platon (428- 347), Democrite (460- 370), Aristote (384- 322)... đã hình thành nên một môn học được đặt tên là “**Rhêtorikê**” (Mĩ từ pháp). Đến thế kỉ thứ I Tr.CN, Virgile, nhà thơ La Mã, đề xuất ý kiến về sự phân chia các phong cách diễn đạt.

Nội dung của Mĩ từ pháp cổ đại bao gồm:

- **Các phép mĩ từ (figura) dùng trong diễn đạt:** Cách đây trên 2.000 năm, các biện pháp tu từ mà chúng ta dùng ngày nay như: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ... đã được mĩ từ pháp cổ đại miêu tả. Trong tác phẩm “**Thi ca**”, Aristote cho rằng: “*Một từ đều có thể dùng chung, hoặc dùng làm cái ẩn dụ, hoặc dùng làm cái tu sức, hoặc dùng làm cái kích thích, hoặc dùng làm cái biến đổi.*” Ông đã nêu định nghĩa và miêu tả cấu tạo của nhiều biện pháp tu từ. Sang thế kỉ sau, Cicéron (106- 43 Tr.CN), một học giả La Mã nổi tiếng, cho rằng: “*Ẩn dụ là phép so sánh bớt đi một từ trong đó nếu như từ này theo quy tắc được đặt ở một vị trí nào đấy khiến cho người ta nhận ra sự tương đồng thì từ ẩn dụ trở nên hấp dẫn, duyên dáng.*”<sup>4</sup>

- **Phong cách diễn đạt:** Thi hào Virgile (70- 19 Tr.CN) đã phân chia các cách biểu hiện bằng lời nói ra ba phong cách với lược đồ hình bánh xe như sau:



\* *Gravis Stylus* (Phong cách cao quý): gồm ngôn từ dùng trong anh hùng ca để ca ngợi chiến công của các tướng soái.

\* *Mediocrus Stylus* (Phong cách vừa): gồm ngôn từ dùng trong miêu tả lao động nông nghiệp.

\* *Humilus Stylus* (Phong cách thấp): gồm ngôn từ dùng trong đời sống hàng ngày.

<sup>4</sup> Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH & THCN, Hà Nội 1983, tr 13



Trên bánh xe phân chia phong cách này, Virgile ghi rõ những từ dành riêng trong từng phong cách. Lần đầu tiên, nhà thơ La Mã này đã chỉ ra mối quan hệ phù hợp cần phải có giữa từ ngữ và phạm vi nói viết. Có nghĩa là khi vận dụng, các phương tiện ngôn ngữ không phải lúc nào cũng xuất hiện một cách tùy tiện và có giá trị như nhau. Chúng có phạm vi sử dụng riêng và việc vận dụng phù hợp là một yêu cầu rất quan trọng. Đây là sự phát hiện hết sức quan trọng và là một trong những đóng góp lớn của Mĩ từ pháp cổ đại. Vì rằng, ngay từ thời đó, Virgile đã nhận thấy, các phương tiện ngôn ngữ được vận dụng trong hoạt động giao tiếp không phải tùy tiện. Nó không chỉ tuân theo các quy tắc về ngữ âm, ngữ pháp mà còn bị chi phối bởi các nhân tố ngoài ngôn ngữ. Và điều đó khiến cho những phạm vi sử dụng khác nhau sẽ có những phương tiện ngôn ngữ riêng mang tính chức năng. Để ghi nhận sự đóng góp trên của nhà thơ, người ta gọi bánh xe này là **Bánh xe phong cách Virgile**.

- **Cơ cấu một bài văn:** Mĩ từ pháp cổ đại đòi hỏi mỗi bài văn phải được cấu tạo và sắp xếp theo đúng trình tự các phần như sau:

- + Nhập đề
- + Phân tích
- + Khẳng định
- + Phản bác
- + Kết luận

Điều này không khác mấy so với yêu cầu tạo lập văn bản ngày nay.

Với những nội dung trên, Mĩ từ pháp cổ đại đã có ảnh hưởng lớn đến ngôn từ hùng biện, đến nghệ thuật viết văn thời cổ đại và sau này truyền đi khắp châu Âu.

Đầu thế kỉ XX, khoa học ngôn ngữ trên thế giới bước vào một thời kì mới, mở đầu bằng hệ thống các luận điểm trong bài giảng của Ferdinand de Saussure (1857- 1913), nhà ngôn ngữ học vĩ đại người Thụy Sĩ. Ông đã đào tạo nên nhiều nhà ngôn ngữ học tài giỏi mà hai trong số đó là những người góp công lớn đối với việc xây dựng ngành phong cách học là: Charles Bally và Albert Sechehaye.

Năm 1908, Albert Sechehaye cho xuất bản quyển “*Phong cách học và ngôn ngữ học lí thuyết*”. Ông là người đầu tiên chỉ ra sự cần thiết phải xem phong cách học là một ngành độc lập của khoa học ngữ văn.

Năm 1909, quyển “*Khảo luận về phong cách học tiếng Pháp*” (*Traité de stylistique française*) của Charles Bally ra đời, trong đó tác giả đề cập những vấn đề về đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của phong cách học. Charles Bally (1865- 1947) được coi như là người đề xướng và khai sinh cho ngành phong cách học ở nước Pháp nói riêng và trên thế giới nói chung.

Năm 1919, Leo Spitzer, nhà ngôn ngữ học người Áo, mở rộng sự quan tâm đến những thuộc tính phong cách của văn bản, nhấn mạnh đến luận điểm của Buffon “*Phong cách là chính bản thân con người*” (*Le style, c’est l’homme*) và cho rằng “*sự kiện phong cách bao gồm cả phần tư duy và phần tình cảm*”. Leo Spitzer không xây dựng một lí thuyết về phong cách học ngôn ngữ mà chỉ mong muốn bắc một nhịp cầu giữa ngôn ngữ học và lịch sử văn học. Ông đã nêu lên những nguyên tắc nổi tiếng của lí thuyết phê bình phong cách sau:

- Sự phê bình thuộc về nội tại tác phẩm.
- Toàn bộ tác phẩm là một tổng thể.
- Mọi chi tiết phải cho phép ta xuyên thấu vào trung tâm tác phẩm.
- Người ta xuyên thấu vào tác phẩm bằng trực giác.
- Tác phẩm được tái tạo như vậy được phân tích trong toàn cục. Sự nghiên cứu ấy là phong cách học, nó lấy điểm xuất phát trong một ngôn ngữ.
- Nét đặc thù là một sự đi chệch phong cách học cá nhân.
- Phong cách học phải là một sự phê bình thiện cảm (*de sympathie*).

L. Spitzer có ảnh hưởng lớn đến giới phê bình văn học và ngôn ngữ học. Ông đã làm dấy lên một trường phái phê bình thực sự lấy tên là phái phong cách học mới (New stylistics) hay là phong cách học phê phán chủ nghĩa (*Stylistics-criticism*)

Suốt nửa đầu thế kỉ, các nhà ngôn ngữ học trên thế giới quan tâm nhiều đến các vấn đề ngôn ngữ học đại cương, lí luận âm vị học, lí luận ngữ pháp mà ít quan tâm đến phong cách học. Phong cách học chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ vào nửa sau thế kỉ XX và người có ảnh hưởng lớn là Roman Jakobson (1896-1982). Ông là thành viên của nhóm ngôn ngữ học Praha, là một trong những người đề xướng nghiên cứu ngôn ngữ học theo quan điểm cấu trúc - chức năng và là người đề xướng lí thuyết cho một phong cách học mới.

Công trình quan trọng nhất của R. Jakobson là “*Khảo luận về ngôn ngữ học đại cương*”. Quyển này gồm 11 chương đề cập đến những vấn đề lí thuyết khái quát của ngôn ngữ học, nhất quán trên quan niệm cấu trúc - chức năng. Đặc biệt, chương cuối ông dành cho phong cách học. Đó là chương “*Ngôn ngữ và thi pháp học*”. Tuy ông dùng thuật ngữ *chức năng thi học* nhưng ai cũng biết chính ông là người đề xướng một phong cách học hiện đại, đã thống nhất được hai chiều hướng trái ngược nhau: phong cách học Bally và phong cách học Spitzer (Phong cách học ngôn ngữ và Phong cách học lời nói) thịnh hành ở đầu thế kỉ XX.

Hệ quả lí thuyết khoa học của Jakobson rất lớn. Những người kế tục và phát triển lí thuyết này rất nhiều như: M. Riffaterre, S. Levin, R. Barthes, G. Genette, P. Guiraud, G. Bachelard, T. Todorov, J. Kristieva. Không chỉ về lí thuyết, mà cả trào lưu sáng tác và phê bình chịu nhiều ảnh hưởng của ông như phái tiêu thuyết mới, phái phê bình mới... đã ngự trị cả Châu Âu từ đó cho đến nay.